

Bản án số: 92/2021/DS - PT

Ngày: 21/12/2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Thẩm phán: Ông Vương Hồng Giang và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2021/TLPT-DS ngày 07/10/2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, S năm 1973;

Địa chỉ: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên
(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Ông Ngô Duy T, S năm 1958;

Địa chỉ: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên
(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị N, S năm 1964; (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

2. Ông Lê Quý T1, S năm 1933; (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

3. Anh Âu Văn S, S năm 1968; (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên
(Ông T1, anh S ủy quyền cho chị H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Năm 1971 bố mẹ chị khai phá được thửa đất ven suối giáp ranh với gia đình ông T trên bản đồ địa chính đo năm 2009 là thửa số 23 tờ bản đồ số 67 diện tích 679,4m². Trong quá trình sử dụng gia đình có lối đi ra suối để sinh hoạt thoát nước ra phía sau, có chiều rộng 2m chiều dài 13,5m. Năm 1985 bố mẹ chị cho chị gái chị sử dụng, năm 1993 chị gái chị tặng cho gia đình chị sử dụng từ đó tới nay không có tranh chấp với ai.

Năm 2009 trong quá trình đo đạc bản đồ địa chính gia đình chị không được tham gia việc đo đạc đất nên thửa đất số 23 của gia đình chị không thể hiện lối đi ra suối mặc dù gia đình chị vẫn sử dụng. Đến tháng 3 năm 2018 khi gia đình chị đào rãnh tháo nước ra suối thì gia đình ông T tranh chấp phá bỏ bờ rào đường đi và không cho gia đình chị đi. Sau khi chị nhờ cán bộ địa chính kiểm tra thửa đất số 59 tờ bản đồ số 67 thì phần lối đi đã gộp vào bìa đồ của gia đình ông T. Nay chị khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lối đi và bồi thường tường rào của gia đình chị.

Bị đơn ông Ngô Duy T trình bày: Mảnh đất gia đình ông đang sử dụng là do bố mẹ ông tặng cho vợ chồng ông vào năm 1983. Năm 1993 gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã xây bờ rào bằng gạch từ năm 1989. Năm 1997 - 1998 thì ông Lê Quý T1 (bố đẻ chị H) có mượn ông một lối đi để đi ra suối, ông đồng ý cho ông T1 mượn, khi cho mượn không viết giấy tờ gì. Năm 2009 có chính sách đo đạc đất theo bản đồ địa chính, gia đình ông có kê khai đo đạc và có đi dẫn đạc. Khi đó có sự chứng kiến của gia đình ông T1, trưởng xóm, ông Ô. Năm 2018 gia đình ông và gia đình chị H xảy ra tranh chấp đối với phần lối đi trên. Nay ông xác định phần đất tranh chấp nằm trong thửa 59 tờ bản đồ 67 của gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012. Ông không nhất trí việc chị H khởi kiện đòi đất và lối đi.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Trần Thị N (vợ ông T) nhất trí với quan điểm của ông T. Anh Âu Văn S (chồng chị H) nhất trí với quan điểm của chị H. Ông Lê Quý T1 (bố đẻ chị H) cho rằng năm 1971 ông có khai phá diện tích khoảng hơn 1000m² và có đường đi ra suối. Sau đó ông có cho con gái là chị Lê Thị X một phần diện tích khoảng 360m² cho bằng miệng không có giấy tờ gì, chị X có xây nhà trên diện tích đất trên nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1993 chị X cho em gái là chị Lê Thị H, chị H đã làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất và sử dụng từ đó cho đến nay khi sử dụng đã có 01 đường đi ra suối. Ông xác định đã cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nên không liên quan gì đến vụ án. Đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả lại diện tích và tài sản để phục vụ lối đi chung của chị H và gia đình ông.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với ông Ngô Duy T về việc

yêu cầu buộc ông T phải trả đất là lỗi đi có diện tích 22,95m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 59 tờ bản đồ 67 xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

Ngày 07/12/2018 chị Lê Thị H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 37/2019/DS-PT ngày 20/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị H. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Chuyển hồ sơ về toà án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với ông Ngô Duy T về việc yêu cầu buộc ông T phải trả lại đất có diện tích 25m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số thửa 59 TĐĐ 67 tại xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (đất mang tên ông Ngô Duy T).

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của chị Lê Thị H đối với ông Ngô Duy T, buộc ông Ngô Duy T bồi thường thiệt hại là giá trị bức tường xây cho chị Lê Thị H số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/8/2021 chị Lê Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu ông Ngô Duy T và bà Trần Thị N trả lại phần diện tích ngõ đi và là đường thoát nước sinh hoạt cho gia đình chị và các gia đình anh em chị như hiện trạng ban đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lê Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị H, kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét nội dung kháng cáo của chị Lê Thị H Hội đồng xét xử thấy: Phần đất tranh chấp giữa hai gia đình ông T và chị H có diện tích 25m² nằm trong thửa đất số 59 tờ bản đồ số 67 xóm QT, xã YL đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ngô Duy T và bà Trần Thị N năm 1993 và được cấp lại năm 2012. Phần đất tranh chấp có một mặt giáp nhà bà Vũ Thị N1;

một mặt giáp nhà chị Lê Thị H; một mặt giáp nhà ông Ngô Duy T; một mặt giáp suối.

Chị H cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là do bố mẹ chị khai phá năm 1971, trong quá trình sử dụng thì đã có một lối đi ra suối. Sau đó, bố mẹ chị đã tặng cho chị gái chị, năm 1993 chị gái chị lại tặng cho vợ chồng chị sử dụng. Chị H xác định đây là đất của chị và là lối đi sinh hoạt của gia đình chị ra phía sau.

Ông T xác định phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 59 tờ bản đồ 67 mà gia đình ông đang sử dụng, có nguồn gốc năm 1983 ông nhận tặng cho từ bố mẹ. Năm 1993 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009 có chính sách đo đạc theo bản đồ địa chính, gia đình ông có đi dẫn đạc đo đất, năm 2012 gia đình ông được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có phần đất đang tranh chấp.

Tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất của gia đình ông T cũng như gia đình chị H thì có các hộ giáp ranh đều ký xác nhận. Chị H xác định là có ký nhưng chỉ ký xác định hộ ông T giáp ranh là không có căn cứ. Theo bản đồ 299 phần diện tích đất nhà chị H thể hiện tại thửa 558, tờ bản đồ số 3 (mang tên ông Lê Quý T1) phần đất nhà chị H (thời điểm mang tên ông Lê Quý T1 theo bản đồ 299) không thể hiện lối đi ra suối như kê khai của chị H. Đại diện chính quyền địa phương xã YL cũng xác định bản đồ 299 phù hợp với hiện trạng đo đạc bản đồ 2009, hiện trạng phù hợp, vị trí vẫn giữ nguyên so với bản đồ 299, trong bản đồ 299 phía nhà chị H (trước kia là ông Lê Quý T1) không có phần lối đi ra suối có chiều rộng khoảng gần 2m, chiều dài khoảng 13,5m như chị H đã kê khai. Đồng thời UBND xã YL xác nhận nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp hiện nay là thửa số 59, tờ bản đồ số 67 là của gia đình ông Ngô Duy T, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo diện tích và ranh giới, mốc giới thửa đất, các hộ đã ký giáp ranh đúng theo quy định, ông Ngô Duy T vẫn sử dụng và quản lý theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp đổi theo bản đồ địa chính năm 2012.

Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, để từ đó bác yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và được chấp nhận. Do đó, cần bác kháng cáo của chị Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ sự phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng các Điều 166, 357, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 99, 100 và Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với ông Ngô Duy T về việc yêu cầu buộc ông T phải trả lại đất có diện tích 25m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số thửa 59 tờ bản đồ 67 tại xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (đất mang tên ông Ngô Duy T).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của chị Lê Thị H đối với ông Ngô Duy T, buộc ông Ngô Duy T bồi thường thiệt hại là giá trị bức tường xây cho chị Lê Thị H số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012337 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0013898 ngày 13/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đại Từ;
- THADS huyện Đại Từ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lý